

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế thành phố Pleiku có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Gói thầu số 1: Mua sắm vật tư y tế bổ sung năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế thành phố Pleiku

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ds Lê Thanh Hà – Phó trưởng khoa Dược

Số điện thoại: 090.555.7417

Email: bvtp.pleiku@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- *Nhận trực tiếp tại địa chỉ:* 17 Trần Quốc Toàn, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- *Nhận qua email:* bvtp.pleiku@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 08 tháng 3 năm 2024 đến trước 08h ngày 18 tháng 3 năm 2024

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa: Đính kèm phụ lục

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa:

Khoa Dược – Trung tâm Y tế thành phố Pleiku

17 Trần Quốc Toàn, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 07 ngày

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Thời hạn thanh toán không quá 90 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ chứng từ thanh toán.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, KD.



GIÁM ĐỐC

Lê Thiện Thanh



Mẫu báo giá

BÁO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá/

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các mặt hàng vật tư y tế như sau:

1. Báo giá cho các mặt hàng vật tư y tế

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hoá	Tên thương mại	Yêu cầu kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT)	Thành tiền
1									
2									
n	...								

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu)

GÓI THẦU SỐ 1: MUA SẮM VẬT TƯ Y TẾ BỔ SUNG NĂM 2024
(Kèm theo Yêu cầu báo giá ngày 08/3/2024 của Trung tâm Y tế thành phố Pleiku)

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	A001	Airway	Các số	Cái	500	
2	A002	Băng Keo Dán Sườn	≥8cm*4.5m	Cuộn	1,000	
3	A003	Bộ đặt nội khí quản trẻ em	Bộ 03 lưỡi (02 lưỡi cong, 01 lưỡi thẳng)	Bộ	1	
4	A004	Bộ Mask Thanh Quản Igel	Bộ Mask Thanh Quản Igel	Bộ	1	
5	A005	Calcium hydroxid	Calcium hydroxid	Lọ	6	
6	A006	Camphenol	Camphenol	Lọ	5	
7	A007	Cán Dao	Cán Dao	Cái	5	
8	A008	Cây treo dịch truyền		Cái	10	
9	A009	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HbA1c	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HbA1c. Hộp: 3 lọ level 1 và 3 lọ level 2, mỗi lọ 1ml	Hộp	4	
10	A010	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Na, K, Cl, Ca, pH	Dung dịch hiệu chuẩn các thành phần máy điện giải Thành phần: Organic Buffer <0.1%, Inorganic salts <2.0 %, Preservative <0.05% Lọ ≥30ml	Lọ	1	
11	A011	Chêm Gỗ		Cái	100	
12	A012	Chén Inox	Chén Inox	Cái	10	
13	A013	Chi PolyPropylen 4/0 liền kim	Chi Polypropylene số 4/0, dài khoảng 75cm, 2 kim tròn 3/8 dài khoảng 22mm. Kim thép không gỉ, phủ silicon.	Tép	60	
14	A014	Chi thép	Dài 60cm, kim tam giác size 5	Sợi	5	
15	A015	Chi thép bánh chè	Dài 60cm, kim tam giác size 7	Sợi	5	
16	A016	Cốc Đựng Đờm	Cốc Đựng Đờm	Cái	1,000	
17	A017	Col Giấy	Cỡ size 15, 20, 25, 30	Cái	1,200	
18	A018	Col Phụ	A, B	Cây	600	
19	A019	Đầu Côn Vàng	Không khóa	Cái	20,000	
20	A020	Đầu Côn Xanh	Có khóa	Cái	15,000	
21	A021	Dầu Eugenol	≥30ml/lọ	Lọ	20	
22	A022	Dầu Tay Khoan	≥400ml/chai	Chai	3	
23	A023	Dây Garo	Dây Garo	Cái	50	
24	A024	Dây Khóa 3 Chạc	≥35cm	Cái	50	

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
25	A025	Dây Thông Dạ Dày	Số 16	Cái	50	
26	A026	Điện cực Clo	Điện cực Cl-	Cái	1	
27	A027	Điện cực Kali	Điện cực K+	Cái	1	
28	A028	Điện cực Natri	Điện cực Na+	Cái	1	
29	A029	Điện cực tham chiếu	Điện cực tham chiếu	Cái	1	
30	A030	Diệt Tủy	≥5g/lọ	Lọ	10	
31	A031	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích điện giải	Dung dịch rửa hàng tuần Thành phần: Hypochlorite de sodium < 0,1 %, Surfactant < 1,0 %, Conservateurs < 0,05 % Lọ ≥30ml	Lọ	4	
32	A032	Dung Dịch Sát Khuẩn Tay Khoan	≥709ml	Chai	10	
33	A033	Gạc Vaseline	≥18*20cm	Miếng	5,000	
34	A034	Gel Điện Tim	≥250ml/chai	Chai	50	
35	A035	Giấy Cẩn		Xấp	10	
36	A036	Giường bệnh nhân	Inox 304, 195x90x55cm, có nệm	Cái	10	
37	A037	Glutaraldehyde 2% (Steranios)	≥5 lít/can	Can	10	
38	A038	Glyde (Chất bôi trơn ống tủy)	Glyde (Chất bôi trơn ống tủy)	Hộp	10	
39	A039	H File	21mm- 25mm, 08, 10, 15, 20, 25, 30, 35	Cái	150	
40	A040	IVD pha loãng xét nghiệm định lượng HbA1c	IVD pha loãng xét nghiệm định lượng HbA1c. Hộp ≥2x200ml	Hộp	4	
41	A041	K File	21mm- 25mm, 08, 10, 15, 20, 25, 30, 35	Cái	500	
42	A042	Kelly Cong Không Máu	Kelly Cong Không Máu	Cái	30	
43	A043	Kelly Thẳng Không Máu	Kelly Thẳng Không Máu	Cái	30	
44	A044	Kẽm Oxyd	Kẽm Oxyd	Gram	1,500	
45	A045	Keo Gắn Compsite	3M bond, ≥2g	Ống	6	
46	A046	Kéo Lớn	Kéo Lớn	Cái	30	
47	A047	Kéo Nhỏ	Kéo Nhỏ	Cái	30	
48	A048	Kẹp Phẫu Tích Không Máu	Kẹp Phẫu Tích Không Máu	Cái	30	
49	A049	Khay quả đậu	Khay quả đậu	Cái	30	
50	A050	Kim Chích Máu	Kim Chích Máu	Cái	3,000	
51	A051	Kim Nha Khoa	Kim Nha Khoa	Cái	2,500	
52	A052	Kít Thử Giun Đũa Chó	Kít Thử Giun Đũa Chó	Hộp	10	
53	A053	Kít Thử Sán Lá Gan	Kít Thử Sán Lá Gan	Hộp	10	
54	A054	Lam Kính Nhám	Lam Kính Nhám	Cái	7,200	
55	A055	Lam Kính Tron	Lam Kính Tron	Cái	18,000	

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
56	A056	Lentulo	≥21mm	Cái	30	
57	A057	Lưỡi Dao Mổ Số 11	Số 11	Cái	200	
58	A058	Lưỡi Dao Mổ Số 15	Số 15	Cái	4,000	
59	A059	Lưỡi Dao Mổ Số 20	Số 20	Cái	5,500	
60	A060	Máy ly tâm	Tốc độ quay : 300 - 4000 rpm, gia tốc 100rpm Lực ly tâm tối đa RCF : 1900 x g Độ chính xác tốc độ : ± 100 rpm Rotor : 15ml x 8 chỗ, 10ml x 12 chỗ Thời gian ly tâm : 1 --> 99 phút / liên tục Động cơ : DC không chổi than Màn hình LED Chương trình : Máu : 3200rpm, 10 phút; Nước tiểu : 1800rpm, 5 phút; Phân : 1300rpm, 10 phút. Hệ thống bảo vệ : Chẩn đoán nội bộ tự động Thời gian tăng / giảm tốc [giây] : 25giây↑35giây↓ Mức độ ồn : < 60 dB	Cái	1	
61	A061	Miếng Dán Điện Cực	Miếng Dán Điện Cực	Cái	1,000	
62	A062	Mũi Khoan Chốt Gate	≥21mm Gate cho tay khoan chậm	Cái	25	
63	A063	Mũi khoan Mani hoặc tương đương	tròn, trụ trơn, dùng cho tay khoan nhanh	Cái	200	
64	A064	Mũi Khoan Phẫu Thuật Răng Khôn 702	Tungsten hoặc tương đương, dùng cho tay khoan	Mũi	30	
65	A065	Nẹp vít khóa đầu trên xương đùi 7 lỗ phải	Nẹp vít khóa đầu rắn, chất liệu titanium, dùng vít 5.0mm	Cái	2	
66	A066	Nẹp vít khóa đầu trên xương đùi 7 lỗ trái	Nẹp vít khóa đầu rắn, chất liệu titanium, dùng vít 5.0mm	Cái	2	
67	A067	Nhiệt Kế Thủy Ngân	Nhiệt Kế Thủy Ngân	Cái	100	
68	A068	Nước Rửa Phim	Nước Rửa Phim	Bộ	4	
69	A069	Ống Đặt Nội Khí Quản Số 2.5	Số 2.5 Có Bóng Chèn	Cái	20	
70	A070	Ống Đặt Nội Khí Quản Số 3	Số 3 Có Bóng Chèn	Cái	20	
71	A071	Ống Đặt Nội Khí Quản Số 3.5	Số 3.5 Có Bóng Chèn	Cái	20	
72	A072	Ống Đặt Nội Khí Quản Số 4	Số 4 Có Bóng Chèn	Cái	20	
73	A073	Ống Đặt Nội Khí Quản Số 4.5	Số 4.5 Có Bóng Chèn	Cái	30	
74	A074	Ống Đặt Nội Khí Quản Số 5	Số 5 Có Bóng Chèn	Cái	30	
75	A075	Ống Đặt Nội Khí Quản Số 5.5	Số 5.5 Có Bóng Chèn	Cái	30	
76	A076	Ống Đặt Nội Khí Quản Số 6	Số 6 Có Bóng Chèn	Cái	30	
77	A077	Ống Đặt Nội Khí Quản Số 6.5	Số 6.5 Có Bóng Chèn	Cái	30	
78	A078	Ống Đặt Nội Khí Quản Số 7	Số 7 Có Bóng Chèn	Cái	50	
79	A079	Ống Đặt Nội Khí Quản Số 7.5	Số 7.5 Có Bóng Chèn	Cái	50	

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
80	A080	Ống Hút Nhót	Số 14, 16 Có Kiểm Soát	Cái	700	
81	A081	Ống Hút Nước Bọt	Dùng cho ghế nha khoa	Cái	6,000	
82	A082	Phim Nha Khoa	3*4cm	Tờ	1,500	
83	A083	Phin Lọc Máy Thở	Các cỡ	Cái	300	
84	A084	Sample Cup	3.8*1.6*1cm; 2.5ml	Cái	5,000	
85	A085	Sonde Foley 2 Nhánh Số 16 (hoặc tương đương)	Số 16	Cái	600	
86	A086	Sonde Foley 2 Nhánh Số 18 (hoặc tương đương)	Số 18	Cái	600	
87	A087	Sonde Nelaton (hoặc tương đương)	Số 16	Cái	100	
88	A088	Spongel Cầm Máu	≥7*5*1cm	Miếng	50	
89	A089	Tê Bôi	≥30g	Lọ	5	
90	A090	Thun Kéo Liên Hàm		Hộp	2	
91	A091	Thuốc thử châm điện cực Kali máy điện giải ISE 3000	Dung dịch sử dụng kèm điện cực K Thành phần: Buffer <0.5%, Potassium salts <6.0 % Lọ ≥30ml	Lọ	1	
92	A092	Thuốc thử châm điện cực pH, Natri, Clorid	Dung dịch sử dụng kèm điện cực PH, Na, Cl Thành phần: Buffer <0.5%, Inorganic salts <8.0 % Lọ ≥30ml	Lọ	1	
93	A093	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c	Thành phần: R1: 10-(carboxymethylaminocarbonyl)-3,7-bis (dimethylamino) phenothiazine, sodium salt 10 – 30 nmol/mL. Hộp ≥2x30ml	Hộp	10	
94	A094	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c	Thành phần: R2: Peroxidase (POD) 50 – 150 U/mL Fructosyl peptide oxidase (FPOX) 3 – 9 U/mL. Hộp ≥2x10ml	Hộp	12	
95	A095	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Na, K, Cl	Hoá chất dùng cho máy dùng cho máy điện giải 3 thông số Na, K, Cl Dung tích 1000 ml (Standard A 650 ml + Standard B 350 ml). Thành phần: Buffer <0.1%, Inorganic salts <3.0 %	Hộp	8	
96	A096	Trâm Gai	Trắng, tím, vàng	Cái	600	
97	A097	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng HbA1c	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng HbA1c. Hộp: 6 lọ level 1 và 6 lọ level 2, mỗi lọ 1ml	Hộp	4	
98	A098	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng Na, K, Cl, Ca, pH	Dung dịch kiểm chuẩn các thông số Na +, K+, Cl-, Ca++, pH Thành phần: Organic Buffer <0.1%, Inorganic salts <2.0 %, Preservative <0.05% Lọ ≥30ml	Lọ	3	
99	A099	Vôi Soda	Vôi Soda	Kg	10	

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
100	A100	Vòng đeo tay bệnh nhân	Vòng đeo tay bệnh nhân	Cái	3,000	
Tổng cộng: 100 khoản						